

BÁO CÁO

**Công tác quy hoạch, đầu tư và đời sống, sản xuất của nhân dân
khi triển khai xây dựng các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**
(Trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa XVII)

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 363/CV-HĐND ngày 28/6/2018 về việc chuẩn bị nội dung trả lời chất vấn trực tiếp tại kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa XVII; Sở Công Thương được giao trả lời chất vấn nội dung: “Việc quy hoạch và xây dựng các công trình thủy điện trên địa bàn các huyện miền núi còn nhiều bất cập, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân, nhất là vùng ven sông, suối; việc bố trí và đầu tư các khu tái định cư chưa phù hợp, tiến độ thực hiện chậm nên đời sống của nhân dân đến khu tái định cư còn gặp nhiều khó khăn”; trên cơ sở chức năng quản lý nhà nước, Sở Công Thương báo cáo như sau:

I. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TÁI ĐỊNH CƯ CỦA CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Về quy hoạch thủy điện

Thủy điện đóng vai trò quan trọng trong hệ thống năng lượng quốc gia. Trung ương đã sớm chỉ đạo quy hoạch, khai thác nguồn năng lượng thủy điện phục vụ lợi ích quốc gia và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Là một tỉnh có tiềm năng về thủy điện, chủ yếu tại khu vực miền núi, tỉnh Thanh Hóa đã đưa việc quy hoạch, đầu tư phát triển các công trình thủy điện là một trong những nội dung nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị (khóa IX) về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng trung du và Miền núi Bắc Bộ; Quyết định số 253/2005/QĐ-TTg ngày 12/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh Miền Tây tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa có 2 Quy hoạch thủy điện (TĐ) do Bộ Công Thương phê duyệt là Quy hoạch thủy điện bậc thang sông Mã và Quy hoạch thủy điện nhỏ, gồm 21 dự án, với tổng công suất 825 MW, cụ thể:

- Trên sông Mã có 07 dự án: TĐ Trung Sơn (260 MW), TĐ. Thành Sơn (30 MW), TĐ. Hồi Xuân (102 MW), TĐ. Bá Thước 1 (60 MW), TĐ. Bá Thước 2 (80 MW), TĐ. Cẩm Thủy 1 (28,6 MW), TĐ. Cẩm Thủy 2 (32 MW).

- Trên sông Chu có 04 dự án: TĐ Cửa Đạt (97 MW), TĐ Xuân Minh (15 MW), TĐ Bái Thượng (6 MW) và TĐ Dốc Cáy (15 MW).

- Các sông, suối khác: sông Lò có 03 dự án: TĐ Trung Xuân (10,5 MW), TĐ Sơn Lư (7 MW) và TĐ Tam Thanh (7 MW); sông Luông có 04 dự án: TĐ Mường

Mìn (13 MW), TĐ Sơn Điện (13 MW), TĐ Nam Động 1 (12 MW) và TĐ Nam Động 2 (12 MW); sông Âm có 01 dự án: TĐ Sông Âm (12 MW); sông Khao có 01 dự án: TĐ Xuân Khao (7,5 MW); suối Hối có 01 dự án: TĐ Trí Năng (5,4 MW).

2. Về tình hình đầu tư xây dựng

Trong số 21 dự án được quy hoạch, có 08 dự án đang ở bước lập hồ sơ dự án đầu tư để trình xem xét chấp thuận (chưa triển khai đầu tư xây dựng) và 13 dự án đã được triển khai đầu tư xây dựng, đến nay:

- Đã hoàn thành và phát điện (06 dự án): TĐ Cửa Đạt, TĐ Bá Thuộc 2, TĐ Dốc Cáy, TĐ Trung Sơn, TĐ Bá Thuộc 1 và TĐ Bái Thượng; với tổng công suất lắp máy khai thác 518 MW, điện lượng sản xuất 2,1 tỷ KWh/năm, đem lại doanh thu hàng năm khoảng 2.000 tỷ đồng, nộp ngân sách hàng năm khoảng 400 tỷ đồng.

- Đang thi công (07 dự án): TĐ Thành Sơn, TĐ Hồi Xuân, TĐ Cẩm Thủy 1, TĐ Xuân Minh, TĐ Trí Năng, TĐ Sông Âm, TĐ Trung Xuân, trong đó có 4 dự án: TĐ Thành Sơn, TĐ Cẩm Thủy 1, TĐ Xuân Minh, TĐ Trí Năng, đã cơ bản hoàn thành công tác xây dựng, dự kiến phát điện trong năm nay.

3. Về việc bố trí, xây dựng các khu tái định cư (TĐC)

Ngoài dự án TĐ Cửa Đạt (thuộc dự án thủy lợi đa mục tiêu cấp quốc gia), trong số các thủy điện đã được triển khai đầu tư xây dựng, chỉ có một số dự án lớn trên sông Mã gồm: TĐ Trung Sơn, TĐ Hồi Xuân, TĐ Bá Thuộc 1, TĐ Bá Thuộc 2, là phải xây dựng các khu TĐC; các dự án khác có số lượng di dân thấp, người dân lựa chọn tự TĐC hoặc không phải di dân. Cụ thể công tác xây dựng khu các TĐC như sau:

- TĐ Trung Sơn: Bố trí xây dựng 03 khu TĐC, gồm: khu TĐC số 1 tại xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa; khu TĐC số 2 tại xã Mường Lý và Tam Chung, huyện Mường Lát; khu TĐC số 3 tại xã Trung Lý, huyện Mường Lát. Đến nay đã hoàn thành việc xây dựng các khu TĐC và thực hiện công tác di dân vào các khu TĐC. Cụ thể: huyện Quan Hóa (215 hộ vào khu TĐC, 22 hộ di dân xen ghép, 2 hộ di dân tự do ra ngoài địa bàn huyện) huyện Mường Lát (137 hộ vào khu TĐC, 63 hộ di dân xen ghép, 5 hộ di chuyển ra ngoài huyện); các hộ dân chuyển vào khu TĐC bước đầu đã ổn định cuộc sống, tốt hơn nơi ở cũ.

- TĐ Hồi Xuân: Đã bồi thường, hỗ trợ cho 125 hộ dân tái định cư theo hình thức tự di rời (do các hộ dân lựa chọn). Hiện tại, đang tập trung vào xây dựng mặt bằng, hạ tầng cấp nước, cấp điện cho khu TĐC tại bản Sa Lắng, xã Thanh Xuân (TĐC cho 53 hộ). Dự kiến cuối tháng 7/2018 có thể bắt đầu bốc thăm, di chuyển các hộ dân đầu tiên vào khu TĐC Sa Lắng.

- TĐ Bá Thuộc 1: Đã thực hiện TĐC cho 18 hộ dân thuộc thôn Cháy Ké, xã Thiết Ké, diện tích mỗi hộ 700 m² (gồm 500 m² đất vườn SX và 200 m² đất ở).

- TĐ Bá Thuộc 2: Đã thực hiện TĐC cho 27 hộ dân; trong đó, có 18 hộ thuộc thôn Dàn Long, xã Lương Ngoại tự thực hiện TĐC (nhận kinh phí đền bù và tự bố trí nơi di chuyển), còn lại 09 hộ vào khu TĐC tập trung tại thôn Chiềng Ai - xã Hạ Trung với diện tích cho mỗi hộ TĐC là 700 m².

II. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ VÀ KHÓ KHĂN, BẤT CẬP ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TĐC CÁC DỰ ÁN THỦY ĐIỆN

1. Đối với công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng các dự án thủy điện

1.1. Hiệu quả và những mặt tích cực

Thủy điện là nguồn năng lượng sạch, không phát thải nguy hại (tro bụi như nhiệt điện than) giá thành rẻ so với các loại hình năng lượng khác (nhiệt điện, điện gió, điện mặt trời...). Do vậy, việc khai thác đầu tư các dự án thủy điện để bổ sung lên hệ thống điện quốc gia là rất cần thiết trong bối cảnh nhu cầu nguồn điện năng cho phát triển kinh tế ngày càng tăng cao; sản lượng từ các nhà máy thủy điện đã góp phần giúp nâng cao tỷ trọng năng lượng tái tạo trong sản lượng điện năng toàn tỉnh Thanh Hóa.

Quy hoạch thủy điện Thanh Hóa đã cơ bản đánh giá, khai thác phát huy được tiềm năng thủy điện của tỉnh một cách hợp lý, bền vững, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và ổn định môi trường-xã hội cho các địa phương; số lượng quy hoạch dự án thủy điện của Thanh Hóa không nhiều so với các địa phương khác như: Lào Cai khoảng 80 dự án, Sơn La 50 dự án, Lai Châu 62 dự án, Quảng Nam 42 dự án, Nghệ An 40 dự án, Đắk Lắk 35 dự án, Lâm Đồng 29 dự án...; mật độ bố trí tương đối phù hợp, thuận tiện cho công tác quản lý.

Việc đầu tư các dự án thủy điện góp phần cải tạo cơ sở hạ tầng, tạo ra nhiều việc làm, thúc đẩy dịch vụ-thương mại, mang lại hiệu quả tích cực cho phát triển kinh tế-xã hội, nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa thuộc các huyện khó khăn và đặc biệt khó khăn như: Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát, Thường Xuân, Bá Thước, Cẩm Thủy, Lang Chánh,....

Các công trình thủy điện có hồ chứa lớn như: Cửa Đạt, Trung Sơn... còn có vai trò quan trọng trong công tác phòng chống lũ, dự trữ, điều tiết nước cho hạ du. Đồng thời, hình thành nên các vùng tiểu khí hậu, sinh thái mới trên lòng hồ thuận lợi cho công tác khai thác cảnh quan, du lịch, nuôi trồng thủy sản, tạo nguồn nước cho các công trình cấp nước sạch khu vực miền núi.

Tính từ năm 2004 (khi khởi công TĐ Cửa Đạt) đến nay, các dự án TĐ lớn như: Cửa Đạt, Trung Sơn, Bá Thước 1, Bá Thước 2,... đều đã vào vận hành với tổng công suất 518 MW (cuối năm 2018 dự kiến đưa thêm 4 dự án với công suất 79,2 MW). Như vậy, về cơ bản các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã về đích, bước vào giai đoạn vận hành ổn định, không còn nhiều nhiều ảnh hưởng của quá trình thi công (Ví dụ, hồ chứa và nhà máy TĐ Cửa Đạt đi vào vận hành từ 2010, đã đóng góp vai trò rất quan trọng cho sự phát triển của huyện Thường Xuân, cũng như cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất của toàn tỉnh).

1.2. Các bất cập và ảnh hưởng

Việc quy hoạch và đầu tư các dự án thủy điện còn những bất cập, chưa hợp lý, ảnh hưởng đến môi trường và đời sống nhân dân vùng dự án như:

* Trong công tác Quy hoạch:

- Do ngân sách hạn chế, nên Nhà nước chỉ nghiên cứu những quy hoạch TĐ lớn trên dòng sông chính (Trung Sơn, Cửa Đạt, Hôi Xuân,...) còn lại đa số các dự

án TĐ khác là do doanh nghiệp tự bỏ kinh phí khảo sát, điều tra, dẫn đến quy hoạch TĐ chưa được xây dựng một cách đồng bộ và toàn diện, mà gồm nhiều nghiên cứu riêng lẻ, chú trọng nhiều vào khai thác năng lượng.

- Các chính sách, quy định của nhà nước trước đây còn chưa đầy đủ, chặt chẽ, thiếu các tiêu chí đánh giá về môi trường xã hội khi xem xét quy hoạch TĐ.

** Trong đầu tư xây dựng và vận hành khai thác:*

- Dự án thủy điện làm mất đất sản xuất, ảnh hưởng đến sinh kế người dân, nhất là người dân miền núi sống ven sông, ven suối có nguồn sinh kế chính từ sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Phải thực hiện di dân- tái định cư, ảnh hưởng đến ổn định dân sinh.

- Làm mất diện tích rừng, suy giảm nguồn sinh thủy, thay đổi chế độ dòng chảy, bùn cát; ngăn cản luồng cá di cư, thay đổi hệ sinh thái ngập nước.

- Các dự án thủy điện tích nước, xả lũ không đúng quy trình, ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt nhân dân vùng hạ du.

- Các dự án thủy điện có hồ chứa dung tích lớn như: Cửa Đạt (1,4 tỷ m³), Trung Sơn (360 triệu m³)... có thể gây ra những nguy cơ biến động, mất ổn định địa chất, dẫn đến sạt trượt, sỏi lở ở những nơi có nền địa chất yếu.

- Quá trình đầu tư thi công các dự án thủy điện thường kéo dài (từ 3- 5 năm, thậm chí có dự án còn kéo dài hơn), ảnh hưởng về môi trường, khói bụi, tiếng ồn, giao thông qua lại của người dân quanh khu vực dự án.

Vì vậy, việc quy hoạch và thực hiện đầu tư các dự án thủy điện cần được tiến hành thận trọng, toàn diện và chặt chẽ, đánh giá tổng thể để đưa ra phương án khai thác phát triển bền vững tài nguyên nước một cách tối ưu, đem lại hiệu quả tổng hợp về kinh tế-xã hội- môi trường.

2. Đối với công tác bố trí, đầu tư các khu TĐC cho dự án thủy điện

2.1. Những mặt tích cực

Nhìn chung, các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá đều phải thực hiện công tác GPMB, di dân - TĐC theo đúng quy định của pháp luật; chủ đầu tư thực hiện đầy đủ, kịp thời việc chi trả bồi thường và hỗ trợ cho người dân TĐC; đến nay, ngoài trừ TĐ Hồi Xuân các dự án thủy điện (có ảnh hưởng lớn) trên địa bàn tỉnh cơ bản đã thực hiện xong công tác GPMB, di dân -TĐC.

Thủy điện Trung Sơn là dự án đầu tiên đưa ra khái niệm và lập “phương án sinh kế cho người dân”; có công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo tiêu chuẩn môi trường- xã hội của Ngân hàng thế giới, nên quyền lợi người dân được xem xét kỹ lưỡng. Theo đánh giá của các cấp chính quyền địa phương, các hộ gia đình TĐC của dự án có nhà kiên cố hơn, đẹp hơn, hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp không bị ảnh hưởng nhiều và hoạt động kinh doanh buôn bán phát triển hơn, giúp thu nhập, cuộc sống người dân ổn định hơn nơi ở cũ.

Đã có sự vào cuộc, trách nhiệm cao của các cấp chính quyền, phối hợp với chủ đầu tư, trong công tác đền bù-GPMB, di dân-TĐC. Nhờ đó: các hộ di dời, TĐC cơ bản sắp xếp hợp lý, thuận tiện về cơ sở hạ tầng, cấp điện, cấp nước, được

chăm sóc y tế, giáo dục, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và nhiều hoạt động hỗ trợ, phúc lợi như: xây dựng trường học, nhà văn hóa thôn, công tác từ thiện, đền ơn đáp nghĩa... góp phần nâng cao dân trí, thay đổi tập quán sống phân tán quanh sông suối, giúp người dân có cuộc sống an toàn hơn trong mùa mưa bão và hoạt động kinh doanh buôn bán dần phát triển, giúp cải thiện thu nhập so với nơi ở cũ.

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Vị trí các khu TĐC của TĐ Trung Sơn có địa hình độ dốc cao, công tác san gạt mặt bằng khó khăn nên diện tích một số lô nhà ở của người dân TĐC thấp hơn 350 m², dẫn đến người dân không đồng ý bốc thăm phân lô, làm chậm tiến độ di dân. Đối với khu TĐC tại bản Sa Lắng -TĐ Hồi Xuân do điều kiện thi công hết sức khó khăn (phải vận chuyển vật liệu qua sông, thiết bị cơ giới không sẵn sàng) dẫn đến tiến độ thi công rất chậm, không thể sớm di rời để ổn định đời sống người dân.

- Có thời điểm, trên địa bàn một địa phương như huyện Quan Hóa, các chủ đầu tư triển khai GPMB và đầu tư xây dựng đồng thời nhiều dự án thủy điện lớn (Trung Sơn, Hồi Xuân, Thành Sơn, Bá Thước 1), gây nhiều xáo trộn đến sinh hoạt và đời sống nhân dân, tạo sức ép lớn cho công tác chỉ đạo GPMB của địa phương (So sánh với huyện Thường Xuân cũng là địa phương có nhiều dự án TĐ, nhưng cùng một chủ đầu tư và được triển khai tuần tự, thuận lợi hơn cho công tác GPMB và giảm thiểu ảnh hưởng).

- Công tác quy hoạch, bố trí các khu TĐC thủy điện chưa có tiêu chí chuẩn mực, nên xây dựng cơ sở hạ tầng khu TĐC chưa được đầy đủ. Quỹ đất tại các khu TĐC hạn chế, nên diện tích nhà ở TĐC nhỏ hơn nơi ở cũ, hoặc phải thiết kế nhà theo kiểu liên kế, chưa phù hợp với phong tục tập quán đồng bào dân tộc; đất sản xuất bố trí cũng thấp hơn và chất lượng đất cũng xấu hơn.

- Ngoài dự án TĐ Trung Sơn có chương trình sinh kế được xây dựng khá bài bản; đối với các dự án khác do chưa có quy định, biện pháp ràng buộc nên không xây dựng phương án hỗ trợ sinh kế, hoặc có xây dựng nhưng chưa đầy đủ, chưa có tính khả thi, bám sát thực tế và nguyện vọng của người dân. Chủ đầu tư chưa thấy được hết trách nhiệm của mình trong việc hỗ trợ, đào tạo giải quyết việc làm, ổn định đời sống của nhân dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Chính sách đền bù -TĐC ở các dự án có sự khác nhau, do ngoài cơ chế bồi thường theo quy định nhà nước; còn có sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp với người dân (ngay tại huyện Quan Hóa, chế độ bồi thường hỗ trợ của dự án TĐ Trung Sơn cao hơn TĐ Hồi Xuân) tạo nên sự thiếu thống nhất trong việc quản lý và thực thi chính sách, nảy sinh tư tưởng thắc mắc so sánh quyền lợi trong dân, gây khó khăn trong công tác đền bù GPMB; đa số các dự án khi thực hiện công tác GPMB đều có những vướng mắc về đơn giá bồi thường với người dân.

- Với đồng bào dân tộc miền núi có cuộc sống, sinh kế quanh sông, suối mặc dù tỷ lệ hộ nghèo đã giảm dần qua từng năm, nhưng vẫn còn cao; thu nhập bình quân đầu người vẫn còn ở mức thấp; trình độ giáo dục thấp hoặc đã lớn tuổi nên việc đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn nên dù có vào các khu TĐC vẫn tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo và trở về nơi ở cũ.

III. NGUYÊN NHÂN VÀ TRÁCH NHIỆM

1. Nguyên nhân

Những bất cập, tồn tại trong công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng và di dân TĐC các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh do các nguyên nhân sau:

1.1. Nguyên nhân khách quan

- Việc khai thác đầu tư xây dựng các công trình thủy điện để tận dụng nguồn thủy năng trong tự nhiên để phát triển kinh tế- xã hội, tất yếu không tránh khỏi những tác động đến môi trường tự nhiên, mất diện tích đất, mất diện tích rừng do hoạt động xây đập, tích nước hồ chứa.

- Do đặc thù các dự án thủy lợi, thủy điện chủ yếu tập trung ở các huyện miền núi, đồi núi dốc, quỹ đất ít nên việc quy hoạch mặt bằng xây dựng các khu tái định cư khá khó khăn, mặt khác do trình độ dân trí của người dân còn hạn chế nên cũng ảnh hưởng đến tiến độ di dời, TĐC.

- Tập quán sinh hoạt và sản xuất của người dân miền núi đã có từ lâu đời và hình thành một cách tự nhiên; việc di dân để phát triển các dự án công nghiệp sẽ thay đổi tập quán của người dân, nên công tác thích nghi với phương thức sinh hoạt, sản xuất mới cũng là khó khăn cho người dân.

1.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trước đây, do chưa có các tiêu chí, quy định chặt chẽ về môi trường- xã hội nên công tác lập nghiên cứu, lập quy hoạch của các nhà chuyên môn về thủy điện (do chủ đầu tư hợp đồng) cũng như công tác thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước mới chỉ tập trung vào hiệu quả phát điện, chưa chú trọng đầy đủ vào việc đánh giá kỹ những tác động, ảnh hưởng đến môi trường- xã hội để đảm bảo cân bằng, hài hòa giữa lợi ích kinh tế và phát triển bền vững.

- Do thời gian nghiên cứu lập quy hoạch thủy điện Thanh Hóa kéo dài, từ 2001 (nghiên cứu thủy lợi- thủy điện Cửa Đạt) đến 2005 (Quy hoạch thủy điện bậc thang sông Mã) đến những năm 2008 (bổ sung thêm các dự án trên bậc thang sông Mã), đã có những thay đổi về môi trường, dân sinh, kinh tế ở vùng dự án, dẫn đến quy hoạch thủy điện có những điểm chưa phù hợp thực tiễn.

- Chính sách bồi thường, TĐC mới chỉ dừng lại ở việc bồi thường sử dụng đất và các tài sản thiệt hại trực tiếp. Các thiệt hại gián tiếp khác về thu nhập, các lợi thế và cơ hội kinh tế, thu nhập sản phẩm từ rừng, về phong tục tập quán, đời sống tinh thần của người dân chưa được tính đến, chưa có quy định cụ thể về đền bù, hỗ trợ cho các thiệt hại vô hình này; trong khi đây là phần rất quan trọng đối với tập quán của đồng bào dân tộc sống ven sông suối.

- Chủ đầu tư dự án khi xây dựng phương án đền bù-GPMB, di dân-TĐC của các dự án chưa nghiên cứu đề cập sâu đến các vấn đề: đất đai, canh tác, khí hậu, kỹ thuật giống, cây, con... để nhằm phát triển sinh kế bền vững cho người dân TĐC; đa số dự án đều chưa lập phương án sinh kế, một số lập nhưng còn sơ sài, không mang tính thực tiễn, áp dụng cao; chưa tham vấn đầy đủ ý kiến cộng đồng địa phương về công tác thiết kế, xây dựng các khu nhà TĐC, công trình phúc lợi để phù hợp với phong tục tập quán của nhân dân địa phương.

2. Trách nhiệm

Để xảy ra những hạn chế, bất cập của công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm của các ngành, địa phương và chủ đầu tư các dự án; trong đó trách nhiệm chính của ngành Công Thương với vai trò cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành.

- *Trách nhiệm của ngành Công Thương:*

+ Thủy điện là lĩnh vực liên quan đến nhiều chuyên ngành khoa học, đòi hỏi chuyên môn sâu; tuy nhiên Giám đốc Sở Công Thương qua các thời kỳ, chưa quan tâm đúng mức để xây dựng, đào tạo và bố trí đội ngũ cán bộ, chuyên viên đủ năng lực, trình độ để đảm đương tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước từ quy hoạch, đầu tư xây dựng đến vận hành khai thác

+ Chưa sâu sát thực tiễn, giám sát đầy đủ trong quá trình đầu tư, xây dựng các dự án TĐ, để kịp thời đề xuất, tham mưu, xử lý những vi phạm, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc phát sinh.

- *Trách nhiệm của các ngành chuyên môn liên quan:* Chưa thực sự quan tâm, thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực phụ trách đối với các dự án thủy điện.

- *Chính quyền địa phương nơi có dự án:* Nhiều nơi chưa tích cực bám sát, hỗ trợ chủ đầu tư tuyên truyền vận động người dân hiểu đầy đủ và thực hiện đúng các chính sách quy định pháp luật của nhà nước trong quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các công trình thủy điện.

- *Chủ đầu tư:* Chủ đầu tư các dự án chỉ tập trung mục tiêu, hiệu quả phát điện; chưa có trách nhiệm đầy đủ đến cuộc sống, sinh kế lâu dài cho người dân vùng ảnh hưởng. Nên trong các phương án bồi thường mới chỉ dừng lại ở việc bồi thường sử dụng đất và các tài sản thiệt hại trực tiếp chưa xây dựng được phương án sinh kế cho người dân, hoặc có xây dựng cũng chưa có tính khả thi, thực tiễn cao.

Một số dự án phải chuyển nhượng chủ đầu tư hoặc chủ đầu tư có năng lực tài chính, chuyên môn yếu, dự án bị chậm tiến độ (TĐ Hồi Xuân, TĐ Trí Năng, TĐ Sông Âm), làm chậm công tác di dân và ổn định đời sống người dân.

IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TRONG THỜI GIAN TỚI

Để khắc phục những tồn tại hạn chế trong công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng các dự án TĐ, nhằm tiếp tục khai thác hợp lý nguồn thủy năng tự nhiên của tỉnh, phát triển bền vững kinh tế, xã hội, môi trường, đảm bảo ổn định sản xuất, sinh hoạt của nhân dân vùng bị ảnh hưởng, Sở Công Thương đề xuất một số giải pháp như sau:

- Về quản lý quy hoạch thủy điện: Tiếp tục rà soát quy hoạch, đánh giá kỹ ảnh hưởng tác động đến môi trường-xã hội; loại bỏ khỏi quy hoạch các dự án có hiệu quả thấp, ảnh hưởng nhiều đến đất đai, môi trường, người dân.

- Về xem xét chủ trương đầu tư: Yêu cầu dự án đánh giá chi tiết hiệu quả kinh tế và tác động ảnh hưởng; lấy ý kiến tham vấn cộng đồng đầy đủ của người dân bị ảnh hưởng vùng dự án. Yêu cầu bắt buộc đối với từng dự án phải lập

phương án sinh kế cho người dân bị ảnh hưởng; trong đó, nghiên cứu, xây dựng các phương án sản xuất phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, giúp hộ dân bị ảnh hưởng lựa chọn mô hình sản xuất bảo đảm thu nhập ổn định lâu dài. Không cho triển khai các dự án có ảnh hưởng lớn đến diện tích đất đai, số lượng hộ dân tái định cư lớn, không đảm bảo phương án sinh kế cho người dân.

- Sở Công Thương tiếp tục bám sát, đôn đốc hỗ trợ các chủ đầu tư khẩn trương thi công hoàn thành các khu TĐC (như khu TĐC Sa Lãng - TĐ Hôi Xuân) để đảm bảo tiến độ di dân và tích nước nhà máy; đối với các khu TĐC đã có người dân sinh sống, chỉ đạo chủ đầu tư tiếp tục quan tâm, có trách nhiệm đến đời sống của người dân, nhất là khắc phục những xuống cấp của các công trình cơ sở hạ tầng giao thông, cấp nước, cấp điện.

- Yêu cầu chủ đầu tư các khu TĐC đã hoàn thành tiếp tục chú trọng giải quyết, bảo trì vấn đề về hạ tầng như giao thông, cấp điện, cấp nước... cho các hộ dân TĐC đảm bảo duy trì điều kiện sống của người dân nơi TĐC.

- Các Sở, ngành, địa phương theo chức năng quản lý, tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Kế hoạch hành động số 56/KH-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện.

- Do tập quán của đồng bào miền núi, sống phân tán quanh khu vực sông suối; vì vậy, kể cả không phải tái định cư do công trình thủy điện, cũng nên xem xét, nghiên cứu quy hoạch các khu TĐC để người dân được hưởng các điều kiện về cơ sở hạ tầng, cuộc sống an toàn hơn (giảm thiểu các nguy cơ về sạt lở đất), y tế, giáo dục được nâng cao, thay đổi tập quán sản xuất, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương miền núi một cách lâu dài, bền vững.

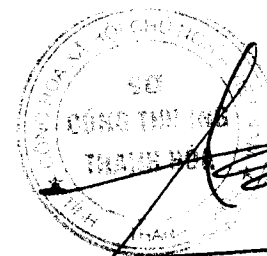
- Các địa phương có dự án, tiếp tục quan tâm tuyên truyền, giáo dục người dân có ý thức bảo quản các công trình TĐC, ưu tiên lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn khác trên địa bàn để tiếp tục đầu tư nâng cấp, hoàn chỉnh các hạng mục khác ở khu TĐC hoặc cải tạo, sửa chữa các công trình tại các khu TĐC đã hư hỏng, xuống cấp để khu TĐC trở thành một cộng đồng hoàn thiện về các mặt kinh tế, giáo dục, y tế, văn hoá và tổ chức xã hội.

Sở Công Thương kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
 - UBND tỉnh;
 - Cán Ban HĐND tỉnh;
 - Các đại biểu HĐND tỉnh;
 - Văn phòng HĐND tỉnh;
 - Lưu VT, MĐT.
- (B/cáo)

GIÁM ĐỐC



Lê Tiến Lam